

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	6
ĐIỀU 1: CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG	6
ĐIỀU 2: ĐỊNH NGHĨA.....	6
ĐIỀU 3: TÊN VÀ LOGO CÔNG TY	8
ĐIỀU 4: TRỤ SỞ CÔNG TY	8
ĐIỀU 5: HÌNH THỨC VÀ TƯ CÁCH HOẠT ĐỘNG	8
ĐIỀU 6: MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	9
ĐIỀU 7: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG.....	13
ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	13
ĐIỀU 9: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	15
ĐIỀU 10: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	16
ĐIỀU 11: CON DẤU	16
ĐIỀU 12: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	16
ĐIỀU 13: TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC.....	17

CHƯƠNG II

VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU- CỔ ĐÔNG.....	17
ĐIỀU 14: VỐN ĐIỀU LỆ	17
ĐIỀU 15: TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ.....	17
ĐIỀU 16: VỐN HUY ĐỘNG KHÁC	18
ĐIỀU 17: CỔ PHẦN	18
ĐIỀU 18: CỔ PHIẾU VÀ CÁC CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC.....	19
ĐIỀU 19: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	20
ĐIỀU 20: THU HỒI CỔ PHẦN.....	20
ĐIỀU 21: THỪA KẾ CỔ PHẦN	20
ĐIỀU 22: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	21
ĐIỀU 23: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG	21
ĐIỀU 24: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	23
ĐIỀU 25: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG	24
ĐIỀU 26: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN	25
ĐIỀU 27: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC.....	26
ĐIỀU 28: ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	26

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY.....	27
ĐIỀU 29: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY.....	27
ĐIỀU 30: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	27
ĐIỀU 31: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	29
ĐIỀU 32: TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	31
ĐIỀU 33: THỂ THỨC TIẾN HÀNH CUỘC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	33
ĐIỀU 34: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP.....	35
ĐIỀU 35: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	36
ĐIỀU 36: THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN.....	37
ĐIỀU 37: YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	39
ĐIỀU 38: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	39
ĐIỀU 39: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	41
ĐIỀU 40: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	44
ĐIỀU 41: CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	48
ĐIỀU 42: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	49
ĐIỀU 43: CÁC ỦY BAN, TIỂU BAN VÀ BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	50
ĐIỀU 44: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	51
ĐIỀU 45: BỔ SUNG, THAY THẾ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	54
ĐIỀU 46: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	54
ĐIỀU 47: THÀNH PHẦN ỦY BAN KIỂM TOÁN.....	54
ĐIỀU 48: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN.....	55
ĐIỀU 49: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN.....	55
ĐIỀU 50: CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN.....	56
ĐIỀU 51: TỔNG GIÁM ĐỐC.....	56
ĐIỀU 52: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	57
ĐIỀU 53: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC.....	58
ĐIỀU 54: ỦY QUYỀN, PHÂN QUYỀN HOẶC GIAO QUYỀN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	59
ĐIỀU 55: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....	59
ĐIỀU 56: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	60

ĐIỀU 57:	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CÔNG TY TẠI TỔ CHỨC KHÁC	61
ĐIỀU 58:	TRÁCH NHIỆM CÂN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	62
ĐIỀU 59:	TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	62
ĐIỀU 60:	CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	64
ĐIỀU 61:	TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG	65
ĐIỀU 62:	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	65
ĐIỀU 63:	NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	66
CHƯƠNG IV		
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....		66
ĐIỀU 64:	NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	66
ĐIỀU 65:	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	67
ĐIỀU 66:	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	67
ĐIỀU 67:	KIỂM TOÁN	68
ĐIỀU 68:	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ	69
ĐIỀU 69:	CỔ TỨC.....	69
CHƯƠNG V		
CÔNG BỐ THÔNG TIN RA CÔNG CHÚNG		70
ĐIỀU 70:	BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	70
CHƯƠNG VI		
MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON.....		71
ĐIỀU 71:	QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON	71
ĐIỀU 72:	GIAO DỊCH LIÊN KẾT GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON.....	71
CHƯƠNG VII		
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ TỐ TỤNG.....		71
ĐIỀU 73:	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ CÔNG TY	71
ĐIỀU 74:	TRANH CHẤP GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN NGOÀI CÔNG TY	72
CHƯƠNG VIII		
GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN.....		72
ĐIỀU 75:	GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	72
ĐIỀU 76:	THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN.....	73

CHƯƠNG IX

HIỆU LỰC THI HÀNH.....73

ĐIỀU 77: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 73

CHƯƠNG I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1: CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Điều lệ này không nhắc lại các quy định của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với công ty cổ phần, các Cổ đông của Công ty, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp, người lao động và Công đoàn, trừ những trường hợp ngoại lệ nêu trong Điều lệ này, bởi vì những quy định này sẽ luôn được áp dụng cho dù có nêu trong Điều lệ này hay không.
2. Điều lệ này không nhắc lại cụm từ “theo quy định của pháp luật Việt Nam” vì mọi người đều phải luôn tuân thủ, chịu sự ràng buộc và thực hiện pháp luật Việt Nam trong mọi trường hợp.
3. Trường hợp các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trường hợp có các quy định của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. Việc sửa đổi những điều khoản tương ứng của Điều lệ này sẽ được Đại hội đồng cổ đông thực hiện vào thời điểm thích hợp.

ĐIỀU 2: ĐỊNH NGHĨA

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;
 - “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;
 - “Công ty” là Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận;
 - “Ngày thành lập” là ngày 02/01/2004;
 - “Điều lệ này” hay “Điều lệ Công ty” là Điều lệ của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;
 - “Đại hội đồng cổ đông” là đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận;
 - “Quy chế quản trị công ty” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;
 - “Quy chế Hội đồng quản trị” là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;
 - “Góp vốn” là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty;

- “Hội đồng quản trị” là hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận;
- “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 14, Điều lệ này;
- “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần của Công ty;
- “Cổ đông lớn” là Cổ đông được quy định tại khoản 18, Điều 4, Luật Chứng khoán;
- “Cổ phần” là Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau, có mệnh giá là 10.000 đồng;
- “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2, Điều 155, Luật Doanh nghiệp và khoản 1.8, Điều 40, Điều lệ này;
- “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành doanh nghiệp;
- “Người quản lý doanh nghiệp” là thành viên Hội đồng quản trị và Người điều hành doanh nghiệp của Công ty;
- “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty do Tổng Giám đốc đề cử cho Hội đồng quản trị quyết định;
- “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23, Điều 4, Luật Doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4, Luật Chứng khoán;
- “Quy chế quản lý nội bộ” là các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động quản lý và điều hành Công ty, và các hoạt động hoặc vấn đề liên quan khác do Hội đồng quản trị ban hành tùy từng thời điểm, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở hoạt động ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị, các vấn đề liên quan đến hoạt động của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các tổ chức khác, và các quy định cụ thể về hoạt động của các Ủy ban, Tiểu ban, Ban thuộc Hội đồng quản trị. Để tránh hiểu nhầm, Quy chế quản lý nội bộ sẽ không bao gồm các quy chế thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc;
- “Ủy quyền” là việc một chủ thể giao cho một hoặc nhiều chủ thể khác thay mặt và nhân danh mình thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn phù hợp với quy định pháp luật;
- “Phân quyền” và “Giao quyền”, tùy từng ngữ cảnh cụ thể, là việc một chủ thể phân chia các trách nhiệm và quyền hạn của mình cho một hoặc nhiều chủ thể khác thực hiện;
- “Ủy ban”, “Tiểu ban” hoặc “Ban”, tùy từng ngữ cảnh cụ thể, là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị, được thành lập theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị để hỗ trợ Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý Công ty và/hoặc nhóm công ty do Công ty là công ty mẹ và/hoặc liên quan đến một số công việc hoặc dự án cụ thể. Thành viên của Ủy ban, Tiểu ban và Ban bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và có thể có thành viên khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;

- “Người có quyền lợi liên quan” là người có quyền và/hoặc lợi ích phát sinh từ và/hoặc liên quan đến các hợp đồng hoặc giao dịch được ký kết hoặc thực hiện với Công ty.
- 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những quy định hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng.
- 3. Các tiêu đề của từng chương, điều, khoản của Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới việc diễn giải nội dung của Điều lệ này.
- 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự như được định nghĩa trong Điều lệ này.

ĐIỀU 3: TÊN VÀ LOGO CÔNG TY

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận
2. Tên giao dịch đối ngoại: Phu Nhuan Jewelry Joint Stock Company
3. Viết tắt: Công ty PNJ
4. Biểu tượng (logo):



ĐIỀU 4: TRỤ SỞ CÔNG TY

1. Trụ sở chính:
 - Địa chỉ: 170E Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
 - Điện thoại: (84-28) 399 51703 – (84-28) 3995 1706
 - Fax: (84-28) 3995 1702
 - Email: pnj@pnj.com.vn
 - Website: www.pnj.com.vn
2. Công ty có các khối, phòng, Ủy ban, Tiểu ban, Ban, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước trực thuộc được thành lập theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

ĐIỀU 5: HÌNH THỨC VÀ TƯ CÁCH HOẠT ĐỘNG

1. Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp kinh tế Đảng, Công ty Vàng bạc đá quý Phú Nhuận trực thuộc Ban Tài Chính Quản Trị Thành ủy TP.HCM, trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các Cổ đông, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận:

- Thuộc sở hữu của các Cổ đông.
- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Có Điều lệ tổ chức và hoạt động.
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Tự chịu kết quả về mọi hoạt động kinh doanh và tự chịu về tài chính.
- Có bảng cân đối về kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 6: MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Mục tiêu của Công ty là:

- Xây dựng và giữ vững thương hiệu PNJ là một trong những thương hiệu hàng đầu của ngành kim hoàn Việt Nam, tham gia thị trường thế giới.
- Mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế nhằm tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.
- Tối đa hóa lợi nhuận, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ kiểm định kim cương và đá quý. Dịch vụ kiểm định vàng, bạc, kim loại quý khác, đá bán quý.
3211	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ. Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý hoặc đá quý hoặc đá nửa quý, hoặc kim loại quý tổng hợp và đá quý hoặc đá nửa quý hoặc các kim loại khác. Sản xuất các chi tiết bằng vàng bạc bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý như: đồ ăn, đồ dẹt, bát đĩa, ấm chén, các chi tiết vệ sinh, các chi tiết trong văn phòng, các chi tiết sử dụng trong tôn giáo. Sản xuất các chi tiết kỹ thuật hoặc thí nghiệm bằng kim loại quý (trừ dụng cụ hoặc các phần tương tự): nồi nấu kim loại, bàn xẻng, thử cực dương của kim loại; đồng hồ bằng kim loại quý; cổ tay áo, dây đồng hồ, hộp thuốc lá.
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại

	Chi tiết: Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ; bán buôn bạc, kim loại quý, đá quý, đá bán quý. Mua bán vàng miếng.
8532	Giáo dục nghề nghiệp Dạy nghề.
6492	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán lẻ sản phẩm lót ly tách, khăn, bao hộp đựng giấy, bao vải, bao gối, khăn, giày, dép. Bán lẻ chăn, màn, đệm, rèm, ga trải giường, gối và bộ đồ giường khác, hàng may mặc, quần áo. Bán lẻ giày dép. Bán lẻ đồ da và giả da. Bán lẻ hàng du lịch đồ da và giả da. Bán lẻ trang phục khác như găng tay, khăn, bút tất, cà vạt, dây đeo quần.
9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu, chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu).
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, rượu bia, nước giải khát và các dịch vụ ăn uống.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).
3212	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ trang sức thành phẩm bằng vàng, bạc, và kim loại quý (không bao gồm tiền kim loại). Bán buôn va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán buôn đồng hồ, kính mắt. Bán buôn đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan. Bán buôn hàng du lịch bằng da, giả da và bằng các chất liệu khác. Bán buôn phụ kiện thời trang. Bán buôn bu rui thiệp và các ấn phẩm khác (không bao gồm các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn; báo,

	<p>tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ, có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc chứa nội dung quảng cáo và sách, tranh ảnh, sách vẽ hoặc sách tô màu cho trẻ em). Bán buôn xà bông, nến, tinh dầu, sản phẩm từ quế, sản phẩm từ sừng (trừ sản phẩm từ động vật quý, hiếm), sản phẩm điêu khắc.</p>
4773 (Chính)	<p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán lẻ bạc, kim loại quý, đá quý, đá bán quý, đồ trang sức. Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ. Bán lẻ đồng hồ, kính mắt. Bán lẻ bạc, kim loại quý nguyên liệu. Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ. Mua bán vàng miếng.</p>
4669	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ. Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, hàng mỹ nghệ bằng vàng, bạc, các kim loại quý khác, kim cương, đá quý, đá bán quý, vàng miếng, vàng nguyên liệu dưới dạng lá, dây bột, khối, thỏi, hạt, miếng (không dùng để sản xuất vàng miếng). Xuất khẩu, nhập khẩu đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan.</p>
2420	<p>Sản xuất kim loại màu và kim loại quý</p> <p>Chi tiết: Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (trừ sản xuất vàng miếng).</p>
2592	<p>Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại</p> <p>Chi tiết: Gia công vàng, bạc, đá quý, đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan.</p>
4641	<p>Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép</p>
9000	<p>Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí</p> <p>(Trừ hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại trụ sở; trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)</p>
1410	<p>May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)</p> <p>(Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng)</p>

1322	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
1323	Sản xuất thảm, chăn đệm (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
1512	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
1520	Sản xuất giày dép (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh) (không bao gồm lúa gạo, đường mía và đường củ cải)
4632	Bán buôn thực phẩm (Không hoạt động tại trụ sở) (không bao gồm lúa gạo, đường mía và đường củ cải)
1709	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Trừ tái chế phế thải tại trụ sở)
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử.
6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ. Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

	Chi tiết: Đại lý bảo hiểm.
6201	Lập trình máy vi tính
6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.
6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
6312	Công thông tin Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử.
	Và các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm.
	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện

ĐIỀU 7: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Thời hạn hoạt động của Công ty là năm mươi (50) năm kể từ ngày ghi trong quyết định chuyển từ doanh nghiệp kinh tế Đảng thành công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền. Việc chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

1. Quyền:

- 1.1. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm;
- 1.2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh;
- 1.3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
- 1.4. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
- 1.5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu;
- 1.6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;

- 1.7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
 - 1.8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;
 - 1.9. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật;
 - 1.10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
 - 1.11. Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật; và
 - 1.12. Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Nghĩa vụ:
- 2.1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh;
 - 2.2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê;
 - 2.3. kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - 2.4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong Công ty; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật;
 - 2.5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;
 - 2.6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - 2.7. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;
 - 2.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; và
 - 2.9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

ĐIỀU 9: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án, và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có hai (2) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc với các thông tin cá nhân như sau:

(a) Họ tên: Cao Thị Ngọc Dung

Giới tính:

Sinh ngày:

Quốc tịch:

Dân tộc:

CCCD số:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(b) Họ tên: Lê Trí Thông

Giới tính:

Sinh ngày:

Quốc tịch:

Dân tộc:

CCCD số:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Chức danh: Tổng Giám đốc

3. Trách nhiệm của mỗi người đại diện theo pháp luật được xác định theo các quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các nghị quyết/quyết định do Hội đồng quản trị ban hành.
4. Công ty bảo đảm những người đại diện theo pháp luật của Công ty thường trú tại Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trước khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 4, Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Hội đồng quản trị có quyết định khác.

ĐIỀU 10: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:
 - 1.1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - 1.2. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; và
 - 1.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ có Cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại gây ra cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1, Điều này.

ĐIỀU 11: CON DẤU

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.
3. Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu theo các quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

ĐIỀU 12: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tôn trọng pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Các Cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng tỷ lệ sở hữu Cổ phần và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn góp vào Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý Công ty.
5. Tổng Giám đốc, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.
6. Hội đồng quản trị có quyền lập các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban để hỗ trợ Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý Công ty và/hoặc nhóm công ty do Công ty là công ty mẹ.

7. Trừ khi pháp luật và Điều lệ không cho phép, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho một số chủ thể khác thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn của mình phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ.

ĐIỀU 13: TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ của tổ chức đó.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế của Công ty.

CHƯƠNG II

VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU- CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 14: VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 3.380.747.760.000 đồng (Ba ngàn ba trăm tám mươi tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 338.074.776 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
Đại hội đồng cổ đông có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, Cổ phần hoặc cổ phiếu trong Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất các đợt phát hành cổ phiếu phù hợp với kết quả phát hành.
2. Vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam (VNĐ).
3. Công ty không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc chia tài sản của Công ty cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp giảm Vốn điều lệ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 15: TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

1. Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, bằng các phương thức:
 - 1.1. Phát hành thêm Cổ phần hoặc mua lại Cổ phần đã phát hành theo quy định tại Điều lệ này và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
 - 1.2. Tái đầu tư một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối; hoặc
 - 1.3. Chuyển các quỹ dự trữ, tích lũy thành Vốn điều lệ.
2. Công ty thay đổi Vốn điều lệ trong trường hợp Công ty mua lại Cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 132 và Điều 133, Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133, Luật Doanh nghiệp được coi là Cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 112, Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều

chính giảm Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các Cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phần phát hành thêm phải được cập nhật đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần.

ĐIỀU 16: VỐN HUY ĐỘNG KHÁC

1. Công ty được quyền huy động vốn khác ngoài Vốn điều lệ phục vụ sản xuất kinh doanh theo các phương thức dưới đây.
 - 1.1. Vay vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước;
 - 1.2. Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - 1.3. Vay cá nhân trong và ngoài Công ty; hoặc
 - 1.4. Vay các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải bảo đảm và hoàn trả đủ, đúng thời hạn cả gốc lẫn lãi và các nghĩa vụ tài chính khác.

ĐIỀU 17: CỔ PHẦN

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau, gọi là Cổ phần. Mỗi Cổ phần có mệnh giá 10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng chẵn).
2. Toàn bộ Cổ phần của Công ty vào thời điểm thông qua Điều lệ này là Cổ phần phổ thông.
3. Cổ phần phổ thông mới chào bán phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số Cổ phần mà Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số Cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp Cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
4. Công ty có thể phát hành Cổ phần phổ thông với giá ưu đãi cho người lao động của Công ty.
5. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần. Giá chào bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - 5.1. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ Cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - 5.2. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số

Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp và trên 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản; và

- 5.3. Các trường hợp khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định.
6. Công ty có thể mua Cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
8. Công ty có thể phát hành các loại Cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
9. Công ty có thể phát hành Cổ phần ghi danh và hạn chế điều kiện chuyển nhượng đối với Cổ phần của người lao động của Công ty và các Cổ đông chiến lược theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 18: CỔ PHIẾU VÀ CÁC CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần trong Công ty.
2. Cổ đông được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ phần sở hữu.
3. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, và dấu của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại Cổ phần mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các Cổ đông sau khi đã nộp đủ tiền mua Cổ phần của Công ty, được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông, được nhận một hoặc một số cổ phiếu cho tất cả Cổ phần của mình.
5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu Cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng, hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua Cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số Cổ phần đã thanh toán đủ sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu Cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ chi phí nào khác.
6. Nếu cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng, tẩy xóa hay bị mất, Cổ đông có thể đề nghị đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
7. Công ty phát hành cổ phiếu dưới dạng Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.
8. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty, trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

ĐIỀU 19: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các Cổ phần đều được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ hoặc nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông có quy định về việc hạn chế chuyển nhượng và pháp luật có quy định khác. Trường hợp cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Cổ phần đã được chuyển nhượng sau khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định vào Sổ đăng ký cổ đông, người nhận chuyển nhượng Cổ phần sẽ trở thành Cổ đông của Công ty kể từ thời điểm đó.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn Cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

ĐIỀU 20: THU HỒI CỔ PHẦN

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả khi mua Cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số Cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các Cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các Cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ Cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những Cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ Cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

ĐIỀU 21: THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Cổ phần của Công ty được thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ Cổ phần của Cổ đông đã qua đời:
 - Người thừa kế duy nhất của Cổ đông theo quy định của pháp luật.

- Nhiều người thừa kế của Cổ đông theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, những người thừa kế phải cử một (01) đại diện theo thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
- 3. Trong trường hợp Cổ đông đã qua đời, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của Cổ đông này sẽ được Công ty thừa nhận là người, hoặc những người duy nhất kế thừa quyền hưởng lợi số Cổ phần này. Quy định này không có nghĩa là Cổ phần thuộc sở hữu của Cổ đông đã qua đời không còn liên quan về nghĩa vụ tài sản mà Cổ đông đó đã thực hiện.
- 4. Trường hợp Cổ đông đã qua đời mà không có người thừa kế hợp pháp thì Cổ phần của Cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 5. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, sau khi đăng ký làm chủ sở hữu các Cổ phần được thừa kế, trở thành Cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Cổ đông mà họ thừa kế quyền.

ĐIỀU 22: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - 2.2. Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được quyền chào bán và số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.3. Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ phần đã góp;
 - 2.4. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; và
 - 2.5. Số lượng Cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp Cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú/tạm trú/liên lạc đã đăng ký nhận thông báo từ Công ty thì phải thông báo kịp thời với công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc với Trung tâm lưu ký chứng khoán để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ đông.

ĐIỀU 23: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông của Công ty là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều Cổ phần của Công ty. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số Cổ phần và loại Cổ phần mà họ sở hữu. Các Cổ đông Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng

- chịu lỗ tương ứng tỷ lệ sở hữu Cổ phần và chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua Cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
 3. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tại Công ty:
 - 3.1. Trường hợp Cổ đông là một tổ chức: Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là người đại diện được phân công theo quyết định chính thức của cơ quan có thẩm quyền của tổ chức đó.
 - 3.2. Trường hợp Cổ đông là cá nhân: Cổ đông tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
 - 3.3. Trường hợp cổ đông là tổ chức được tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản thì tổ chức kế thừa sẽ tiếp nhận quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của Cổ đông là tổ chức đó sau khi gửi cho Công ty văn bản đề nghị thay thế người đại diện theo ủy quyền, đồng thời gửi kèm các văn bản pháp lý theo pháp luật quy định về việc tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản của tổ chức đó.
 4. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được thực hiện theo các quy định sau đây:
 - 4.1. Cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty có thể ủy quyền tối đa hai (02) người đại diện.
 - 4.2. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số Cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định số Cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số Cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
 - 4.3. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu Cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện; và
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức và của người đại diện theo ủy quyền.
 5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - 5.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - 5.2. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; và

- 5.3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của Người điều hành doanh nghiệp; trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

ĐIỀU 24: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Người nắm giữ Cổ phần phổ thông có các quyền sau:

1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và pháp luật quy định;
2. Nhận cổ tức tương ứng với số lượng Cổ phần nắm giữ với mức theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
3. Tự do chuyển nhượng Cổ phần nắm giữ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan;
4. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
7. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông loại khác;
8. Yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều lệ này và Điều 132, Luật Doanh nghiệp;
9. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - 9.1. Đề cử các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, và Quy chế quản trị công ty như sau:
 - Các Cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; và
 - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng viên mà họ được quyền đề cử theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng viên còn lại do Hội đồng quản trị và các Cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều 40, Điều lệ này;
 - 9.2. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 115, Luật Doanh nghiệp;

- 9.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 9.4. Yêu cầu Ủy ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - 9.5. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; và
 - 9.6. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;
10. Được đối xử bình đẳng;
 11. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 12. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và
 13. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 25: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, chấp hành nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và tổ chức, cơ quan khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua số Cổ phần đã cam kết mua;
4. Trong thời hạn hoạt động của Công ty đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các Cổ đông không được rút vốn Cổ phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần;

5. Cung cấp địa chỉ thư tín, thư điện tử và số điện thoại chính xác khi được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông, khi đăng ký mua Cổ phần, và khi có yêu cầu của Công ty;
6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty, tham gia các công việc của Công ty khi được phân công;
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 8.1. Vi phạm pháp luật;
 - 8.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - 8.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;
9. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các Cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
10. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác; và
11. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 26: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông, hoặc người đại diện được ủy quyền của họ, và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của loại Cổ phần ưu đãi đó đã được phát hành. Trường hợp không có đủ số Cổ đông như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó, và những Cổ đông nắm giữ loại Cổ phần ưu đãi đó, không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông và số Cổ phần ưu đãi, có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền, đều được coi là đủ số lượng Cổ đông cần thiết để tổ chức cuộc họp. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ loại Cổ phần ưu đãi nêu trên, những Cổ đông nắm giữ loại Cổ phần ưu đãi đó, có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền, có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tổ chức và tiến hành các cuộc họp riêng biệt như nêu tại khoản 1, Điều này được thực hiện tương tự như tổ chức và tiến hành các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.
3. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số Cổ phần phổ thông của tất cả các Cổ đông tham dự cuộc họp thông qua, đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại Cổ phần ưu đãi đó tham dự cuộc họp thông qua.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ phần có quy định khác, các quyền đặc biệt gắn với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc chia sẻ tài sản hoặc lợi nhuận của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm Cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 27: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC

1. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty. Mọi hạn chế của Cổ đông là tổ chức đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
2. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Cổ đông ủy quyền.
3. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

ĐIỀU 28: ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông, có tên trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện được ủy quyền dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền dự họp thì phải xác định cụ thể số lượng Cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự, và:
 - 2.1. Người đại diện được ủy quyền phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
 - 2.2. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người đại diện được ủy quyền dự họp.
 - 2.3. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp.
 - 2.4. Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp.
3. Người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó nếu trước đó chưa được đăng ký với Công ty.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 6, Điều này, phiếu biểu quyết của người đại diện được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - 5.1. Người ủy quyền đã qua đời, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - 5.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc
 - 5.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người đại diện được ủy quyền.
6. Khoản 5, Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lại.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

ĐIỀU 29: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, và các Ủy ban, Tiểu ban, Ban khác (nếu có) trực thuộc Hội đồng Quản trị; và
3. Tổng Giám đốc.

ĐIỀU 30: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - 1.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - 1.2. Quyết định loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại Cổ phần;
 - 1.3. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - 1.4. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - 1.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - 1.6. Quyết định mua lại trên 10% tổng số Cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - 1.7. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 1.8. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - 1.9. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty;

- 1.10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - 1.11. Phê duyệt Quy chế quản trị công ty; Quy chế Hội đồng quản trị;
 - 1.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; và
 - 1.13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Quy chế quản trị công ty và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần, do Hội đồng quản trị triệu tập, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
 3. Hội đồng quản trị lựa chọn địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - 4.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - 4.2. Báo cáo tài chính quý, nửa năm hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - 4.3. Số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - 4.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một Cổ đông có liên quan; hoặc
 - 4.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.
 5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - 5.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 4.3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 5.1, Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội

đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- 5.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 5.1, Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 4.4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - 5.3. Tất cả chi phí hợp lý và hợp pháp cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.
 - 6.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng Cổ đông cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập cuộc họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
 - 6.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không có đủ số lượng Cổ đông cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập cuộc họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
 7. Trừ khi pháp luật và Điều lệ không cho phép, Đại hội đồng cổ đông có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền phải được thể hiện trong một nghị quyết/quyết định và xác định rõ ràng, cụ thể chủ thể, nội dung, thời hạn và điều kiện ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền.

ĐIỀU 31: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua quyết định các vấn đề sau đây:
 - 1.1. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - 1.2. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- 1.3. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - 1.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị; và
 - 1.5. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- 2.1. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - 2.2. Loại Cổ phần và số lượng Cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại Cổ phần;
 - 2.3. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% một loại Cổ phần phát hành;
 - 2.4. Bán Cổ phần riêng lẻ cho đối tác chiến lược; bán Cổ phần cho Cổ đông hiện hữu hoặc người lao động (ESOP);
 - 2.5. Bán trái phiếu có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược;
 - 2.6. Thay đổi các điều kiện phát hành cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi cho đối tác chiến lược;
 - 2.7. Giá bán Cổ phần thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất;
 - 2.8. Số lượng người đại diện pháp luật của Công ty;
 - 2.9. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - 2.10. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
 - 2.11. Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm cả tổng số tiền thù lao và các lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị; tiền thưởng của Hội đồng quản trị và những Người điều hành doanh nghiệp;
 - 2.12. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
 - 2.13. Quyết định các tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của Công ty;
 - 2.14. Mức cổ tức đối với mỗi Cổ phần của từng loại phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại Cổ phần đó;
 - 2.15. Quyết định giao dịch đầu tư, bán hoặc mua tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - 2.16. Công ty ký kết hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 167, Luật Doanh nghiệp;
 - 2.17. Các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và những Người có liên

quan của các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính;

- 2.18. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - 2.19. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - 2.20. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - 2.21. Phê duyệt Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị; và
 - 2.22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
3. Các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

ĐIỀU 32: TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 144, Luật Doanh nghiệp;
 - 2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu cuộc họp theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - 2.3. Dự thảo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - 2.4. Sắp xếp chương trình họp, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để các Cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5, Điều 140, Luật Doanh nghiệp;
 - 2.5. Gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.6. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; và

- 2.7. Các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các Cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận.
 4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số Cổ phần phổ thông có quyền đề xuất bằng văn bản chính thức về các vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại Cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình cuộc họp.
 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị được quy định tại khoản 4, Điều này trong các trường hợp sau:
 - 5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - 5.2. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ ít nhất 5% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty;
 - 5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua; hoặc
 - 5.4. Kiến nghị không phù hợp với các quy định pháp luật.
 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị theo quy định tại khoản 4, Điều này vào dự kiến chương trình cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5, Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự họp tán thành.
 7. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình cuộc họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3, Điều này nếu được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự họp tán thành.
 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quy chế tổ chức họp và biểu quyết tương ứng.

ĐIỀU 33: THẺ THỨC TIẾN HÀNH CUỘC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - 1.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 1.2. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - 1.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc
 - 1.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
2. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp và thực hiện cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đã đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên người đại diện được ủy quyền dự họp và số Cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông đó.
3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký dự họp ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một số người, theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp, vào ban kiểm phiếu để chịu trách nhiệm kiểm phiếu. Số lượng thành viên của ban kiểm phiếu không ít hơn ba (03) người.
6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng nội dung cuộc họp. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Chủ tọa của cuộc họp hoặc thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác, với thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc, hoặc thay đổi địa điểm họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - 8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- 8.2. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; hoặc
- 8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8, Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những Cổ đông tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc biện pháp an ninh nói trên hoặc cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp, Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối việc tham dự cuộc họp hoặc trục xuất Cổ đông hoặc người đại diện nói trên.
11. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - 11.1. Bố trí đủ chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 11.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - 11.3. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự hoặc tiếp tục tham dự cuộc họp; hoặc
 - 11.4. Thay đổi các biện pháp nêu tại khoản này và áp dụng các biện pháp khác nếu thấy cần thiết. Các biện pháp khác có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng hình thức lựa chọn khác.
12. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết các biện pháp tổ chức nhưng Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:
 - 12.1. Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp sẽ có mặt tại đó, gọi là địa điểm chính của cuộc họp; hoặc
 - 12.2. Bố trí, tổ chức để các Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp không dự họp được theo điều này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;
13. Trong Điều lệ này, trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác, mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp ở địa điểm chính của cuộc họp.
14. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
15. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của Cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các

khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán, được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

ĐIỀU 34: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP

1. Mỗi Cổ đông tham dự cuộc họp khi biểu quyết được tính số Cổ phần có quyền biểu quyết bằng số Cổ phần có quyền biểu quyết mà họ sở hữu và/hoặc đại diện cho Cổ đông khác.
2. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp. Nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp được thông qua khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4, và 7, Điều này và khoản 10, Điều 36, Điều lệ này.
3. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp liên quan đến các vấn đề sau đây được thông qua khi được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành:
 - 3.1. Định hướng phát triển của Công ty;
 - 3.2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - 3.3. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 3.4. Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty;
 - 3.5. Việc tăng/giảm Vốn điều lệ của Công ty;
 - 3.6. Loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - 3.7. Mua lại trên 10% tổng số Cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - 3.8. Bán Cổ phần riêng lẻ cho đối tác chiến lược;
 - 3.9. Thay đổi các điều kiện phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi cho đối tác chiến lược;
 - 3.10. Dự án đầu tư hoặc mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - 3.11. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - 3.12. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - 3.13. Gia hạn thời gian hoạt động; và
 - 3.14. Hợp đồng giao dịch quy định tại khoản 1, Điều 60, Điều lệ này.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có

quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo quy chế bầu cử.

Lưu ý, trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2, Điều 34, Điều lệ Công ty hoặc khoản 10, Điều 36, Điều lệ Công ty.

5. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết/quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định.
6. Nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
7. Nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số Cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số Cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết/quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 35: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.3. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - 1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký
 - 1.5. Số Cổ đông và tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông; người đại diện được uỷ quyền dự họp với số Cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng;
 - 1.6. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - 1.7. Tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ,

không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự họp;

- 1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ Cổ phần có quyền biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - 1.9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và có thể gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và các tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 36: THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2, Điều 147, Luật Doanh nghiệp và khoản 2, Điều 31, Điều lệ này;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết/quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. Hội đồng quản trị phải bảo đảm gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2, Điều 141, Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143, Luật Doanh nghiệp.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 4.2. Mục đích lấy ý kiến;
 - 4.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức,

địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

- 4.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 4.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - 4.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - 4.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
 6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức danh quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 6.3. Số Cổ đông với tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số Cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ và số Cổ phần có quyền biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - 6.4. Tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - 6.5. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - 6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
 7. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 8. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu cho Cổ đông có thể thay thế bằng việc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
 9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

10. Trường hợp thông qua nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết/quyết định được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.
11. Nghị quyết/quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết/quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 37: YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết/quyết định hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 9, Điều 24, Điều lệ này có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - 1.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản và ra nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 152, Luật Doanh nghiệp;
 - 1.2. Nội dung nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết/quyết định đó. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1, Điều này, thì các nghị quyết/quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi tòa án hoặc trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
3. Trường hợp nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.

ĐIỀU 38: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có chín (09) thành viên; trong đó phải có ít nhất sáu (06) thành viên thường trú ở Việt Nam và tối thiểu ba (03) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng

- quản trị, việc đề cử và ứng cử, việc bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm, việc bổ sung và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ.
4. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:
 - a) Trường hợp đã xác định được ứng viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu là mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu; và
 - b) Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị công ty.
 5. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động của Công ty; bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị công ty; xây dựng Quy chế quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty và có các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;
 6. Hội đồng quản trị phải báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 139, Luật Doanh nghiệp và phải bảo đảm báo cáo này có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3, Điều 163, Luật Doanh nghiệp;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - d) Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - đ) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
 - e) Hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - g) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
 - h) Kết quả giám sát đối với Người điều hành doanh nghiệp khác; và
 - y) Các kế hoạch trong tương lai.

ĐIỀU 39: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công ty, trừ những quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác.
3. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

3.1. Quyền hạn:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, ngân sách hàng năm của Công ty;
- b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập và các vấn đề khác liên quan đến công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- e) Phê duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán của các công trình đầu tư đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- g) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người điều hành doanh nghiệp đó;
- h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay Người điều hành doanh nghiệp hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm;
- i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định/nghị quyết;
- j) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- k) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

- l) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- m) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- n) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- o) Xây dựng, ban hành và chỉnh sửa Quy chế quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; và
- q) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, và các quyền không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc.

3.2. Nghĩa vụ

- a) Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động của Công ty;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của Người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- c) Bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty.;
- d) Xây dựng Quy chế quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- e) Xây dựng Quy chế Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- f) Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty;
- g) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty, bao gồm việc sử dụng tài sản của Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty; và
- i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- 4.1. Thành lập, giải thể chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- 4.2. Thành lập, giải thể, sáp nhập các công ty con, công ty liên kết của Công ty;
- 4.3. Trong phạm vi quy định tại khoản 2, Điều 153, Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 138 và khoản 3, Điều 167, Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm

- quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty, bao gồm cả các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua Công ty và liên doanh;
- 4.4. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
 - 4.5. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - 4.6. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh của Công ty và ngân sách vượt quá 5% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm của Công ty hoặc các khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - 4.7. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - 4.8. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - 4.9. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại Cổ phần;
 - 4.10. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; và
 - 4.11. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ không cho phép, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban thuộc Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các tổ chức khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình hoặc đại diện xử lý công việc thay mặt cho Hội đồng quản trị phù hợp với quy định pháp luật. Việc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền phải được lập thành văn bản và xác định rõ ràng, cụ thể chủ thể, nội dung, trách nhiệm, thời hạn và điều kiện ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền.
- Hội đồng quản trị có quyền phân công hoặc chỉ định một hoặc một số phòng ban, Ủy ban, Tiểu ban, Ban hoặc cá nhân đang làm việc tại hoặc chịu sự quản lý của Công ty giám sát việc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền tại Điều lệ này.
- Các vấn đề khác liên quan đến ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền tại Điều này, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở thời hạn, điều kiện và chấm dứt ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế Hội đồng quản trị và/hoặc Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Đối với các công việc, trách nhiệm hoặc quyền hạn đã ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, Hội đồng quản trị sẽ không chịu các trách nhiệm phát sinh từ và/hoặc liên quan đến việc người nhận ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền (i) vi phạm hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ và các văn bản ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, và (ii) thực hiện các công việc vượt quá phạm vi ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền.

7. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết/quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết nghị của Hội đồng quản trị theo đa số phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc ý kiến bằng văn bản. Nếu số phiếu của các ý kiến khác nhau bằng nhau thì nghị quyết/quyết định được thông qua theo ý kiến của bên nào có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
8. Trường hợp nghị quyết/quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết/quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết/quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết/quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết/quyết định nói trên.

ĐIỀU 40: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ đông của Công ty và có các tiêu chuẩn sau đây:
 - 1.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - 1.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - 1.3. Người có liên quan hiện đang không đảm nhiệm hoặc được ủy quyền đảm nhiệm chức danh Kế toán trưởng của Công ty;
 - 1.4. Không đồng thời làm thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; đồng hồ, mắt kính;
 - 1.5. Không sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; đồng hồ, mắt kính, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
 - 1.6. Người có liên quan không cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; đồng hồ, mắt kính, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
 - 1.7. Không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác; và

- 1.8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liên trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn của Công ty; không phải là Người quản lý doanh nghiệp của Công ty hoặc người quản lý doanh nghiệp của công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liên trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ; và
 - e) Các tiêu chuẩn và điều kiện mà thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng theo Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 1.9. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1.8, Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải được Hội đồng quản trị đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
- a. Họ tên;
 - b. Ngày, tháng, năm sinh;
 - c. Trình độ học vấn;

- d. Trình độ chuyên môn;
 - e. Quá trình công tác;
 - f. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - g. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - h. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - i. Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); và
 - j. Các thông tin khác (nếu có).
3. Các Cổ đông nắm giữ Cổ phần phổ thông có quyền gộp số Cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên; từ 70% đến 80% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5, Điều 115, Luật Doanh nghiệp và khoản 3, Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp số lượng ứng viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các Cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- 5.1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - 5.2. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - 5.3. Không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều này;

- 5.4. Gửi đơn từ chức bằng văn bản đến trụ sở chính của Công ty;
 - 5.5. Bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - 5.6. Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (6) tháng liên tục, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt; trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 5.7. Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 5.8. Qua đời;
 - 5.9. Công ty bị chấm dứt hoạt động; hoặc
 - 5.10. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ.
6. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên theo khoản 5, Điều này, tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày bổ nhiệm có hiệu lực cho đến ngày hết nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 3, Điều 38, Điều lệ này.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết của Công ty và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật; và

- e) Tuân thủ, thực hiện đúng và đầy đủ các trách nhiệm và quyền hạn được Hội đồng quản trị ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền.
9. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
 10. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị và được nhận tiền thưởng phụ thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty. Tổng mức thù lao và tiền thưởng cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 11. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua Cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện theo ủy quyền phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 12. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đào tạo, hội thảo, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm trách nhiệm, chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban của Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 13. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, bao gồm cả Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 41: CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
 - 2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 2.4. Tổ chức thông qua nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.5. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.6. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- 2.7. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.8. Bảo đảm việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.9. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình; và
 - 2.10. Các quyền khác theo các quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ.
3. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền khi Chủ tịch vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
 4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

ĐIỀU 42: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền hoặc được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công, không được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền lại cho người khác, trừ trường hợp văn bản ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty quy định khác. Cụ thể nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - 1.1. Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
 - 1.2. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết các vấn đề nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
 - 1.3. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà thành viên nhận được từ các công ty con, công ty liên kết của Công ty và các tổ chức khác mà họ là người đại diện cổ phần/phần vốn góp của Công ty;
 - 1.4. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - 1.5. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Công ty; và
 - 1.6. Thực hiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công, ủy

quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị và/hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Ngoài các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị sẽ thực hiện thêm một số nhiệm vụ khác theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ.
3. Hội đồng quản trị bầu một (01) trong số các Thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Điều phối hoạt động của các Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; và
- b) Các quyền và nghĩa vụ khác theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ.

ĐIỀU 43: CÁC ỦY BAN, TIỂU BAN VÀ BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị được quyền thành lập các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban trực thuộc hỗ trợ Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý Công ty và nhóm công ty do Công ty là công ty mẹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ.
2. Số lượng thành viên của Ủy ban, Tiểu ban và Ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất hai (02) người, bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và có thể có thành viên khác không phải thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị phải được bổ nhiệm làm Trưởng Ủy ban, Tiểu ban và Ban theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, nghĩa vụ và quyền hạn của các Ủy ban, Tiểu ban và Ban do Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban, các Quy chế quản lý nội bộ và/hoặc nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban phải tuân thủ theo các quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Ủy ban, Tiểu ban và Ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban, Tiểu ban và Ban có liên quan.
4. Việc thực thi quyết định của Ủy ban, Tiểu ban và Ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban, Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban trực thuộc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị quy định tại nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
6. Ủy ban, Tiểu ban và Ban có trách nhiệm tuân thủ, thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Quy

chế Hội đồng quản trị, quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban, Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị.

7. Ngoài các Ủy ban, Tiểu ban và Ban, Hội đồng quản trị có quyền lập các văn phòng, cơ quan hoặc bộ phận khác giúp việc cho Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Tiểu ban và Ban, và Chủ tịch Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, nghĩa vụ và quyền hạn, số lượng và tiêu chuẩn các thành viên của văn phòng, cơ quan hoặc bộ phận giúp việc khác, quy trình hoạt động, ngân sách hoạt động và các vấn đề liên quan khác do Hội đồng quản trị quyết định và được quy định cụ thể tại Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
8. Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Hội đồng quản trị quyết định ngân sách hoạt động hàng năm của Ủy ban, Tiểu ban, Ban, các văn phòng, cơ quan hoặc bộ phận việc khác.

ĐIỀU 44: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khi Hội đồng quản trị có thành viên được bầu bổ sung thì cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị, để ra các nghị quyết/quyết định thuộc thẩm quyền, phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc bầu cử. Cuộc họp này do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm triệu tập. Trường hợp Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng hết nhiệm kỳ thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn:
 - 3.1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành doanh nghiệp;
 - 3.2. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; hoặc
 - 3.3. Ủy ban kiểm toán hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3, Điều này phải được triệu tập trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3, Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình hoạt động của Công ty.
6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải

thông tin đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện được ủy quyền dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Tổng Giám đốc, các Người điều hành doanh nghiệp khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.
9. Biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị:
 - 9.1. Trừ quy định tại khoản 9.2, Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - 9.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - 9.3. Theo quy định tại khoản 9.4, Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - 9.4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1, Điều 60, Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - 9.5. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng, giao dịch này; hoặc thành viên này có thể công khai việc đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch liên quan.

- 9.6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là lá phiếu quyết định.
- 9.7. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị. Phiếu biểu quyết được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Các biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước hoặc trong cuộc họp.
10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị đang ở các địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp đều có thể:
 - 10.1. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
 - 10.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự khác một cách đồng thời.
11. Việc trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác, kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này, hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
12. Các nghị quyết/quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc các phương thức khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản cuộc họp của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
13. Nghị quyết/quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết/quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết/quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản cuộc họp trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
15. Ngoài các cuộc họp được quy định tại Điều này, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi về chuyên môn hoặc một số vấn đề của Công ty mà không

thuộc trường hợp phải triệu tập, tổ chức và lập biên bản họp theo quy định tại Điều lệ này. Các cuộc gặp gỡ hoặc trao đổi này không được xem là cuộc họp Hội đồng quản trị chính thức để ban hành nghị quyết hay biểu quyết thông qua bất kỳ vấn đề nào. Để làm rõ, cuộc họp tại khoản này bao gồm cuộc họp giữa các thành viên Hội đồng quản trị, cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị với các Ủy ban, Tiểu ban, Ban hoặc những Người điều hành doanh nghiệp, giữa Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban với những Người điều hành doanh nghiệp phù hợp với Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

ĐIỀU 45: BỔ SUNG, THAY THẾ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm quá quy định tại mục 4.3, khoản 4, Điều 30 và khoản 6, Điều 40, Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn quy định tại mục 5.1, khoản 5, Điều 30, Điều lệ này để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 46: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật các thông tin được cung cấp.

ĐIỀU 47: THÀNH PHẦN ỦY BAN KIỂM TOÁN

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị.
2. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; và
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
4. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
5. Việc bổ nhiệm chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 48: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161, Luật Doanh nghiệp, Điều 9, Quy chế Hội đồng quản trị, và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành doanh nghiệp khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; và
6. Xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

ĐIỀU 49: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó;
 - đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty; và

- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.

ĐIỀU 50: CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

ĐIỀU 51: TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một (01) người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, được ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thực hiện nhiệm vụ Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty và phải là người:
 - 2.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - 2.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty, có hiểu biết pháp luật;
 - 2.3. Không đồng thời làm thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn, đồng hồ, mắt kính;
 - 2.4. Không sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - 2.5. Người có liên quan không cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - 2.6. Thỏa mãn các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty trong trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu trách nhiệm trước

Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty.
6. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Thông tin về tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm của Công ty và phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

ĐIỀU 52: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Quyết định tất cả các vấn đề mà không cần phải có nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức, việc thành lập và giải thể các đơn vị trực thuộc, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Xây dựng, phê duyệt và quyết định ban hành quy chế ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Tổng Giám đốc cho cấp dưới, các quy định, quy trình khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
4. Đề xuất cơ cấu bao gồm số lượng và các chức danh những Người điều hành doanh nghiệp và người đại diện theo uỷ quyền của Công ty tại các tổ chức khác (bao gồm nhưng không giới hạn các tổ chức sau: công ty con, công ty liên kết, chi nhánh của Công ty) để Hội đồng quản trị tuyển dụng, bổ nhiệm và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích khác và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp; đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương, thù lao các lợi ích khác và việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với các chức danh là Người điều hành doanh nghiệp, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty tại các tổ chức khác;
5. Tuyển dụng, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng lao động; kỷ luật, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định lương, thưởng, các chế độ phúc lợi đối với những người lao động của Công ty không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định pháp luật về lao động;
6. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách và kế hoạch phát triển năm (05) năm;
7. Chuẩn bị các bản dự toán tài chính dài hạn, năm, quý và tháng của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, năm, quý và tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh chi tiết. Bản dự toán tài chính năm, bao gồm bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động

- sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, phải bao gồm những thông tin quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và phải được trình Hội đồng quản trị thông qua;
8. Tổ chức thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 9. Ký các hợp đồng trong hạn mức được Hội đồng quản trị cho phép, hợp đồng lao động, hợp đồng khác theo luật định; ký các báo cáo, văn bản, các chứng từ khác của Công ty theo thẩm quyền; quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, các biện pháp truyền thông, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh;
 10. Tổ chức báo cáo cho Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty;
 11. Quyết định đầu tư mua sắm tài sản trang thiết bị có giá trị không vượt quá 10% Vốn điều lệ theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua;
 12. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Tiểu ban, Ban nếu trái luật, trái Điều lệ Công ty, trái nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc đi ngược với lợi ích của Công ty, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay với Hội đồng quản trị thông qua Ủy ban kiểm toán;
 13. Quyết định các biện pháp xử lý vượt quá thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố, tình huống cấp bách khác, mà nếu không thực hiện ngay có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị sau đó;
 14. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động kinh doanh và quản lý của Công ty;
 15. Thực hiện tất cả các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động đã ký với Công ty;
 16. Tuân thủ, thực hiện đúng và đầy đủ các trách nhiệm và quyền hạn được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền;
 17. Quyết định một số vấn đề liên quan đến công ty con, tổ chức mà Công ty có cổ phần/phần vốn góp, và người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ; và
 18. Giám sát hoạt động của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 53: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp tương tự như các thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 5, Điều 40, Điều lệ này, hoặc không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm, nghĩa vụ được quy định tại Điều 52, Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành, trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc nếu Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
4. Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn từ nhiệm gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn một trăm hai mươi ngày (120) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị sẽ xem xét và quyết định.

ĐIỀU 54: ỦY QUYỀN, PHÂN QUYỀN HOẶC GIAO QUYỀN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho các Người điều hành doanh nghiệp hoặc những người khác trong Công ty thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của mình theo quy chế ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Tổng Giám đốc cho cấp dưới.
2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền phải chịu trách nhiệm với Tổng Giám đốc, Công ty và trước pháp luật về những công việc do mình thực hiện theo quy định của quy chế ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Tổng Giám đốc cho cấp dưới. Đối với các công việc, trách nhiệm hoặc quyền hạn đã ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, Tổng Giám đốc sẽ không chịu các trách nhiệm phát sinh từ và/hoặc liên quan đến việc người nhận ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền (i) vi phạm hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ và các văn bản ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, và (ii) thực hiện các công việc vượt quá phạm vi ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền.
3. Mọi sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền có liên quan đến con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản và có thời hạn theo thời hạn nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc.

ĐIỀU 55: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

1. Công ty ban hành một cơ cấu tổ chức quản lý và hệ thống quản lý mà theo đó những Người điều hành doanh nghiệp chịu trách nhiệm với Hội đồng quản trị, chịu sự chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty.
2. Người điều hành doanh nghiệp của Công ty có Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Người điều hành doanh nghiệp phải được thực hiện theo các quy định tại Quy chế quản trị công ty và thông qua bằng nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Số lượng và tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp, theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, phải phù hợp với cơ cấu tổ chức và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành vào từng thời điểm.
4. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự miễn cưỡng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với những Người điều hành doanh nghiệp do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

ĐIỀU 56: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm làm thư ký công ty theo khoản 5, Điều 156, Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa không quá năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có hiểu biết về pháp luật; và
 - c. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật;
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty; và
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.
4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

ĐIỀU 57: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CÔNG TY TẠI TỔ CHỨC KHÁC

1. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác tuân thủ đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại tổ chức khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác có trách nhiệm:
 - Báo cáo định kỳ hàng quý, về tình hình hoạt động của tổ chức khác; các giao dịch giữa Công ty với tổ chức khác theo các nội dung, mẫu biểu và thời gian do Hội đồng quản trị quy định;
 - Báo cáo về các vấn đề bất thường của tổ chức khác theo các quy định của Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức lưu trữ các tài liệu, báo cáo, văn bản liên quan đến hoạt động của hội đồng thành viên trong trường hợp tổ chức khác là công ty trách nhiệm hữu hạn; của đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị trong trường hợp tổ chức khác là công ty cổ phần;
 - Quyết định hoặc biểu quyết tại các cuộc họp đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên, hoặc hội đồng quản trị của tổ chức có liên quan theo quyết định, chủ trương, định hướng của Hội đồng quản trị;
 - Xin ý kiến hoặc chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người được Hội đồng quản trị của Công ty ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền trước khi quyết định hoặc biểu quyết một số vấn đề trọng yếu tại các cuộc họp đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên, hoặc hội đồng quản trị của tổ chức có liên quan. Hội đồng quản trị của Công ty sẽ quy định chi tiết về việc xin ý kiến hoặc chấp thuận tại mục này; và
 - Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ, và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại công ty con chịu trách nhiệm chỉ đạo và đôn đốc người đại diện pháp luật của công ty con lập và nộp các báo cáo theo các quy định tại Điều 197, Luật Doanh nghiệp.
4. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của mình với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại tổ chức khác, và người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác có trách nhiệm tuân thủ, thực hiện đúng và đầy đủ sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền này.
5. Hội đồng quản trị sẽ quy định chi tiết các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, thù lao, tiền lương và lợi ích khác, giám sát và đánh giá hoạt động người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác.

6. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác không được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền lại cho chủ thể khác, trừ trường hợp văn bản ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị hoặc Quy chế quản lý nội bộ của Công ty quy định rõ ràng cho phép được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền lại.
7. Tùy thuộc vào vị trí đảm nhiệm, năng lực, hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh của Công ty hoặc công ty con, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác có thể được Công ty hoặc công ty con trả thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác hoặc không. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty phải báo cáo Hội đồng quản trị của Công ty xem xét trước khi nhận bất kỳ khoản thù lao, tiền lương, thưởng hoặc lợi ích nào từ bất kỳ tổ chức nào mà Công ty đang là chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn.

ĐIỀU 58: TRÁCH NHIỆM CÂN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm sau đây:
 - a) Tuân thủ, thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị;
 - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cân trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
 - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2, Điều 164, Luật Doanh nghiệp; và
 - đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm quy định tại khoản 1, Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

ĐIỀU 59: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những Người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23, Điều 4, Luật Doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4, Luật Chứng khoán và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

- 2.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; và
- 2.2. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2, Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và 2, Điều này được thực hiện như sau:
 - 4.1. Khi có sự yêu cầu của Cổ đông, Công ty phải thông báo danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - 4.2. Danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;
 - 4.3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc; và
 - 4.4. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm 4.3 khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những Người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai Người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và Người có liên quan đến các thành viên nêu trên không được

sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8. Trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp và Người có liên quan đến các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các tổ chức có liên quan đến các thành viên nêu trên là các công ty hoạt động theo nhóm công ty mà trong đó Công ty đóng vai trò là công ty mẹ.

ĐIỀU 60: CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan sau đây:
 - 1.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ;
 - 1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp hoặc Người điều hành doanh nghiệp và Người có liên quan của họ; hoặc
 - 1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ủy ban kiểm toán, và Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại khoản 2, Điều 164, Luật Doanh nghiệp, và các cá nhân, tổ chức khác là Người có liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Đối với các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1, Điều này, Hội đồng quản trị chỉ có quyền chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bằng một nghị quyết với đa số phiếu tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông có quyền chấp thuận các hợp đồng, giao dịch khác thuộc khoản 1, Điều này, trừ những hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị như quy định tại khoản 2, Điều này.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3, Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ

đồng có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết còn lại đồng ý.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp hoặc Người điều hành doanh nghiệp hoặc Người có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.
7. Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc thông qua một số hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với bên là Người có liên quan, với điều kiện người được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền không phải là Người có liên quan của bên đó. Nếu người được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền là Người có liên quan, người được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền sẽ không có quyền biểu quyết liên quan đến hợp đồng hoặc giao dịch đó, hoặc Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị sẽ là người chấp thuận hoặc thông qua hợp đồng hoặc giao dịch đó, tùy từng trường hợp cụ thể.

ĐIỀU 61: TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố, bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện, nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được ủy quyền của Công ty hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

ĐIỀU 62: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

- a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; và
 - c) Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ tài liệu nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
 4. Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế Hội đồng quản trị phải được công bố trên trang điện tử của Công ty.

ĐIỀU 63: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người điều hành doanh nghiệp và người lao động.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 64: NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm.

2. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty.
3. Công ty chấp hành chế độ kế toán và thống kê theo đúng các quy định của pháp luật về kế toán và thống kê. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
4. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
5. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
6. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc tổ chức công tác kế toán, hạch toán tài chính trong toàn Công ty theo đúng pháp luật quy định. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm pháp lý về các chứng từ thu, chi và các hồ sơ kế toán của Công ty.

ĐIỀU 65: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 66: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 67, Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm công ty mẹ còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm của công ty mẹ và công ty con, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của công ty mẹ và công ty con.

Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết theo

quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo của Công ty sử dụng báo cáo quy định tại khoản 3, Điều này để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.

Người chịu trách nhiệm lập các báo cáo này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con. Trường hợp người chịu trách nhiệm của công ty mẹ đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ công ty con thì công ty mẹ vẫn lập và trình các báo cáo đó, có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ công ty con, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc sai lệch.

4. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
5. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, bao gồm ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên trang điện tử của Công ty. Công ty công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán.
6. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty.
7. Hội đồng quản trị ban hành các quy định cụ thể để bảo đảm các công ty phải hợp nhất báo cáo tài chính với Công ty theo quy định của pháp luật phải chấp nhận kiểm toán và tuân thủ chế độ kế toán theo chuẩn mực của Công ty.

ĐIỀU 67: KIỂM TOÁN

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận, được phép tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

ĐIỀU 68: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

1. Theo quy định tại Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) được Bộ Tài chính chấp thuận, lợi nhuận của Công ty được xác định như sau:
 - Lợi nhuận trước thuế = Tổng doanh thu – Tổng chi phí
 - Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế – Thuế thu nhập doanh nghiệp
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm tài chính.
3. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 69: CỔ TỨC

1. Theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty nhưng không vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; và ngay khi trả hết số cổ tức dự định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Tùy theo tình hình kinh doanh, Hội đồng quản trị có thể tạm chi cổ tức theo từng quý hoặc sáu tháng cho Cổ đông.
3. Trừ trường hợp Cổ phần có các quyền đi kèm theo hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác, mức cổ tức được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với mệnh giá của Cổ phần đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ này và nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho Cổ đông này.
5. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu Cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các Cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các Cổ phần bổ sung để trả cổ

- tức này được ghi là những Cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các Cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
6. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
 7. Trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả Cổ đông ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Trong thông báo phải ghi rõ số Cổ phần từng loại của Cổ đông, mức cổ tức, tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Số tiền cổ tức của các Cổ đông chưa đến nhận sẽ không được tính lãi.
 8. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
 9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết/quyết định quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
 10. Trường hợp việc thanh toán tiền cổ tức trái với quy định tại khoản 1, Điều này thì các Cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp Cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì Cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG V

CÔNG BỐ THÔNG TIN RA CÔNG CHÚNG

ĐIỀU 70: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công ty công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán về công bố thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư; và các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông và nhà đầu tư.
2. Báo cáo công bố thông tin về mô hình tổ chức quản trị, quản lý và kiểm soát Công ty, về quản trị công ty, về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; và Báo cáo công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Công ty xây dựng và ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON

ĐIỀU 71: QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON

1. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa Công ty với các công ty con.
2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với chủ thể pháp lý độc lập.
3. Trường hợp Công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.
4. Công ty và Người quản lý doanh nghiệp của Công ty chịu trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3, Điều này.

ĐIỀU 72: GIAO DỊCH LIÊN KẾT GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON

1. Hội đồng quản trị ban hành quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các nội dung liên quan khác về việc ký kết, xác lập và thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết, và các giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan của Công ty.
2. Công ty có trách nhiệm kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn.

CHƯƠNG VII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ TỐ TỤNG

ĐIỀU 73: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ CÔNG TY

1. Mọi Cổ đông của Công ty đều có quyền khiếu nại trực tiếp đến Hội đồng quản trị để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.
2. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này hoặc các quy định hành chính, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc

- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay Người điều hành doanh nghiệp khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho tiến trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu tiến trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra trọng tài hoặc toà án.
4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của trọng tài hoặc toà án được thực hiện theo phán quyết của trọng tài hoặc toà án.

ĐIỀU 74: TRANH CHẤP GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN NGOÀI CÔNG TY

1. Mọi trường hợp kiện tụng, tranh chấp về các giao dịch kinh tế, dân sự giữa Công ty với các tổ chức, cá nhân khác được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải
2. Trong trường không đạt được quyết định hoà giải, sự việc sẽ được đưa ra giải quyết tại trọng tài hoặc toà án. Tổng Giám đốc là người đại diện hợp pháp của Công ty trong các giai đoạn tranh tụng.

CHƯƠNG VIII

GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

ĐIỀU 75: GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có trên 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - 3.1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - 3.2. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - 3.3. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 3.4. Bị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hoặc

3.5. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

4. Việc giải thể Công ty trước thời hạn, kể cả thời hạn đã gia hạn, do Đại hội đồng cổ đông quyết định và Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện. Nghị quyết/quyết định giải thể này phải thông báo hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Trình tự, thủ tục thực hiện việc giải thể được thực hiện theo các quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

ĐIỀU 76: THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - 3.1. Các chi phí thanh lý;
 - 3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - 3.4. Các khoản vay, nếu có;
 - 3.5. Các khoản nợ khác của Công ty; và
 - 3.6. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông theo tỷ lệ vốn góp. Các Cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
4. Trong thời gian thanh lý, Ban thanh lý có quyền đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xử lý các vấn đề xét thấy cần thiết phải có nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG IX

HIỆU LỰC THI HÀNH

ĐIỀU 77: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của

Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

2. Bản Điều lệ này bao gồm 09 chương, 77 điều có hiệu lực từ ngày 30 tháng 09 năm 2024 và thay thế bản Điều lệ ngày 16 tháng 04 năm 2024.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, được lập thành ba (3) bản, có giá trị như nhau.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc được cơ quan/tổ chức có thẩm quyền chứng thực bản sao.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ
PHÚ NHUẬN
PHỤ NHUẬN - T. PH. CH. MINH
CAO THỊ NGỌC DUNG